

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 46/2025/HNGĐ -ST

Ngày: 26/6/2025

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị An

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Phương Diệp và bà Hà Thị Dung

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thuỳ Dương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:** Bà Dương Thị Hương Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 34/2025/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2025 về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con"

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 35/2025/QĐ-ST ngày 09 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

+ **Nguyên đơn:** Anh Trần Bảo C, sinh năm 1990

Địa chỉ thường trú: Xóm Tân Sơn, xã La Bằng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên

Tạm trú: Tổ 1, phường Thịnh Đán, TP.Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

(có mặt)

+ **Bị đơn:** Chị Khương Khánh H, sinh năm 1996

Địa chỉ thường trú: Xóm T, xã L, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên

Hiện đang cư trú tại nước ngoài, không rõ địa chỉ cụ thể (xin vắng mặt tại phiên tòa)

NHẬN THẤY

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Trần Bảo C trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Khương Khánh H kết hôn tháng 11 năm 2015 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống nhưng chỉ hạnh phúc trong thời gian đầu, sau đó dần nảy sinh bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Do có nhiều sự khác biệt về cách sống nên tình cảm ngày càng phai nhạt, anh đã có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên vợ chồng càng trở nên mâu thuẫn. Đến năm 2023 thì vợ chồng sống ly thân, chị H đi nước ngoài lao động. Từ đó, vợ chồng hầu như không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay anh xác định mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm giữa anh và chị H không còn nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Khánh Hoài A, sinh ngày 27/12/2016 và Trần Khánh C1, sinh ngày 21/6/2021. Từ khi chị H đi nước ngoài, cả hai con đều ở với bố. Quan điểm của anh là trước mắt, do chị H không ở trong nước nên anh xin nuôi cả hai con, không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con. Sau này, khi chị H về nước sinh sống, anh sẽ nhường cho chị H nuôi một con như vợ chồng đã thỏa thuận.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có

Tại Biên bản làm việc của Tòa án tại gia đình bố mẹ đẻ của chị H, có sự chứng kiến của T xóm nơi bố mẹ chị H sinh sống, bà Phạm Thị G là mẹ của chị H cho biết: Chị H hiện đang lao động ở nước ngoài (Đài Loan – Trung Quốc) và vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình qua điện thoại và mạng xã hội nhưng gia đình không biết địa chỉ cụ thể của chị H để cung cấp cho tòa án. Tuy nhiên, thông qua gia đình, chị H đã biết việc Tòa án thụ lý vụ án cũng như nội dung các giấy tờ, văn bản tố tụng mà Tòa án gửi cho chị thông qua gia đình. Tại buổi làm việc ngày 03/6/2025, bà G trực tiếp gọi điện thoại để chị H nói chuyện với cán bộ Tòa án. Chị xác nhận mối quan hệ hôn nhân và có 2 con chung với anh C. Quan điểm của chị là do anh C có quan hệ ngoại tình và có con với người khác nên chị không thể chấp nhận được, chị đồng ý ly hôn với anh C, không muốn quay lại chung sống nữa. Về con chung, chị và anh C đã thỏa thuận sau khi ly hôn, mỗi người nuôi một con, trong thời gian chị ở nước ngoài thì tạm thời gửi con cho anh C nuôi dưỡng, khi nào chị về nước thì anh C phải giao cho chị nuôi một con. Về cấp dưỡng nuôi con, vợ chồng tự thỏa thuận, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện nay, chị đang làm việc tại Đài Loan nên không về nước để giải quyết vụ án được, chị đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải của Tòa án gửi qua thân nhân là bố mẹ đẻ, chị sẽ sắp xếp công việc để về theo Thông báo của Tòa án, trường hợp chị không về được thì đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt chị. Khi xét xử, nếu chị không về được thì chị cũng đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và thông báo kết quả xét xử cho chị biết. Ngoài ra, chị không có ý kiến gì.

Tại đơn trình bày nguyện vọng của cháu Trần Khánh Hoài A là con chung trên 07 tuổi của anh C và chị H, cháu A trình bày hiện cháu đang học trường tiểu học L. Nếu bố mẹ ly hôn, cháu có nguyện vọng được ở với bố.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều: 28, 35, 39, 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều: 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Bảo C. Cho anh C được ly hôn chị H. Về con chung: Giao cả hai con chung cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, Không giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết. Về án phí: Anh C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm sung quỹ Nhà nước theo quy định.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng Dân sự. Trong vụ án này, bị đơn chị Khương Khánh H có nơi thường trú tại xã L, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Tuy nhiên, theo Công văn số 1254/PQLNXC(Đ1) ngày 21/5/2025 của Công an tỉnh T về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh, lần xuất cảnh gần nhất của chị Khương Khánh H là ngày 14/3/2025. Do vậy, có căn cứ xác định, tại thời điểm thụ lý vụ án, chị H đang cư trú tại nước ngoài, không rõ địa chỉ cụ thể nên xác định đây là vụ án có yếu tố nước ngoài, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 40, Điều 464, Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều: 122, 123, 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về sự vắng mặt của bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án, do bị đơn ở nước ngoài, không về nước để tham gia tố tụng nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Thông qua đại diện thân nhân ở trong nước, có đủ căn cứ xác định bị đơn vẫn liên lạc về gia đình và đã nhận được đầy đủ thông tin về nội dung các văn bản của Tòa án như: Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, Thông báo phiên họp công khai chứng cứ và hoà giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng bị đơn chỉ trình bày trực tiếp quan điểm của mình qua thân nhân ở trong nước,

không có ý kiến gì khác bằng văn bản gửi đến Tòa án. Tòa án cũng đã yêu cầu đại diện thân nhân cung cấp địa chỉ của bị đơn nhưng mẹ đẻ của chị H xác định không biết địa chỉ cụ thể của chị ở nước ngoài vì gia đình chỉ liên lạc với chị qua điện thoại và mạng xã hội. Tuy nhiên, thông qua thân nhân, chị H đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị; căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 10 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định trong giải quyết vụ việc về hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn chị Khương Khánh H.

Về nội dung:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa anh Trần Bảo C và chị Khương Khánh H trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào tháng 11/2015 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống nhưng dần dần phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và đặc biệt là do anh C có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Từ năm 2023 đến nay, vợ chồng đã sống ly thân, chị H đi lao động tại nước ngoài, vợ chồng hầu như không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay anh C xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn. Thông qua bố mẹ đẻ của chị H ở trong nước và tại buổi làm việc của Tòa án tại gia đình bố mẹ của chị H ngày 03/6/2025, chị H có quan điểm không chấp nhận tiếp tục cuộc hôn nhân với anh C nữa, việc anh C xin ly hôn, chị cũng nhất trí và đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt chị trong trường hợp chị không về nước được.

Xét thấy, giữa anh C và chị H không còn quan tâm gì đến nhau, không còn tình cảm và sự thương yêu nhau nữa. Tại phiên tòa, anh C vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn nên cho anh C và chị H được ly hôn là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam năm 2014.

[2]. Về con chung: Anh C và chị H có 02 con chung là Trần Khánh Hoài A, sinh ngày 27/12/2016 và Trần Khánh C1, sinh ngày 21/6/2021. Từ khi chị H đi nước ngoài, cả hai con đều ở với bố. Quan điểm của anh C và chị H đều thống nhất giao cả hai con cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng trong thời gian chị H ở nước ngoài, khi nào chị H về nước thì mỗi người nuôi 01 con. Về cấp dưỡng nuôi con, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy, hiện nay chị H đang ở nước ngoài, không có điều kiện trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con. Vì vậy, cần thiết giao cả hai con cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác để đảm bảo sự phát triển mọi mặt của con.

Về việc cấp dưỡng nuôi con, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không giải quyết.

Vì lợi ích của con, sau khi ly hôn, các đương sự có quyền thỏa thuận hoặc khởi kiện về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc về việc cấp dưỡng nuôi con nếu thấy cần thiết.

[3]. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự đều không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Sau này, nếu thấy cần thiết và có căn cứ, các đương sự có quyền khởi kiện bằng vụ án chia tài sản sau khi ly hôn.

[4]. Án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh C phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm sung quỹ Nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp.

[5]. Xét quan điểm của đại diện VKS tại phiên toà về tố tụng và nội dung giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 40, Điều 464, Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều: 51, 56, 81, 82, 83, 122, 123, 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Bảo C đối với bị đơn chị Khương Khánh H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Bảo C được ly hôn chị Khương Khánh H.

2. Về con chung: Anh C và chị H có 02 con chung là Trần Khánh Hoài A, sinh ngày 27/12/2016 và Trần Khánh C1, sinh ngày 21/6/2021. Giao cả hai con chung cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Chị H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không giải quyết.

3. Tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

4. Án phí: Anh C phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm sung quỹ nhà nước; được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp ngày 22/5/2025 theo biên lai số 0000293 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

5. Quyền kháng cáo: Anh C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- Cục THADS tỉnh;
- Các đương sự;
- UBND xã L;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(đã ký)
Vũ Thị An